

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 024 37684495 | Fax: 024 37684490 | Website: www.scigroup.vn

Số: 47 /2019/CBTT-SCI-TCKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

(V/v: Công bố thông tin BCTC riêng giữa niên độ đã kiểm toán năm 2019.)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI.**
2. Mã chứng khoán: **S99**
3. Trụ sở chính: **Tầng 3 tháp C, tòa Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.**
4. Điện thoại: **(84.4) 3 768 4495 Fax:(84.4) 3 768 4490.**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Văn Thắng - Kế toán trưởng.**
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần SCI được ký ngày 27/08/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: **www.sci.pro.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như k/gửi.

- Lưu P.HCNS.

Đính kèm: BCTC.



Nguyễn Văn Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10-37



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/02/2019
Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2019
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 687 /BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 07 năm 2019, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.099.622.658	239.064.561.194
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.498.712.935	8.953.336.873
1. Tiền	111		3.498.712.935	8.953.336.873
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	33.033.723.800	35.557.642.100
1. Chứng khoán kinh doanh	121		40.275.916.548	47.864.249.391
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(7.242.192.748)	(12.306.607.291)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		180.682.087.678	190.610.504.011
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	142.574.165.447	150.007.537.791
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.390.243.923	4.832.346.342
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	31.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	55.147.384.370	28.358.826.993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(22.429.706.062)	(23.588.207.115)
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.575.490.350	3.575.490.350
1. Hàng tồn kho	141		3.575.490.350	3.575.490.350
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		309.607.895	367.587.860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	57.357.465	36.224.517
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		213.215.469	331.363.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	39.034.961	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		402.616.349.663	454.088.284.822
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		220.000.000	220.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	220.000.000	220.000.000
II. Tài sản cố định	220		8.690.550.006	10.017.954.614
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.612.425.061	9.933.579.667
- Nguyên giá	222		34.506.710.791	38.842.034.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.894.285.730)	(28.908.455.124)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	78.124.945	84.374.947
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(264.375.055)	(258.125.053)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	2.521.372.728	2.360.144.546
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.521.372.728	2.360.144.546
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	391.136.076.215	441.349.647.755
1. Đầu tư vào công ty con	251		292.586.076.215	222.616.076.215
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.550.000.000	60.550.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		38.000.000.000	158.183.571.540
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.350.714	140.537.907
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	48.350.714	140.537.907
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		623.715.972.321	693.152.846.016

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		125.641.354.692	205.196.304.569
I. Nợ ngắn hạn	310		125.584.539.692	204.344.489.569
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	91.583.757.295	96.236.350.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		482.625.013	492.625.013
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.127.411.611	3.612.950.196
4. Phải trả người lao động	314		191.569.888	595.399.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.356.274	7.171.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	27.009.154.771	99.409.928.371
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2.389.000.000	3.188.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		798.664.840	802.064.840
II. Nợ dài hạn	330		56.815.000	851.815.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	56.815.000	56.815.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	-	795.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		498.074.617.629	487.956.541.447
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	498.074.617.629	487.956.541.447
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		407.907.140.000	407.907.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		407.907.140.000	407.907.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		982.166.000	982.166.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.993.224.570	70.875.148.388
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		70.875.148.388	53.429.270.306
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.118.076.182	17.445.878.082
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		623.715.972.321	693.152.846.016


Lê Thị Lan
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

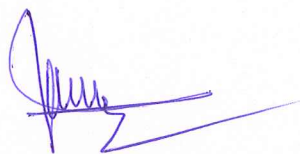
CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	124.211.381.732	47.543.817.491
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		124.211.381.732	47.543.817.491
4. Giá vốn hàng bán	11	21	113.968.622.331	40.636.561.519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.242.759.401	6.907.255.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.897.312.126	26.628.502.481
7. Chi phí tài chính	22	23	1.522.380.497	9.717.479.006
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.156.633.183	4.851.890.472
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.499.790.525	9.055.857.716
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		13.117.900.505	14.762.421.731
11. Thu nhập khác	31	25	1.544.221.398	1.182.692.459
12. Chi phí khác	32	26	1.453.011.076	1.275.691.366
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		91.210.322	(92.998.907)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.209.110.827	14.669.422.824
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	2.659.034.645	2.933.884.565
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>10.550.076.182</u>	<u>11.735.538.259</u>


Lê Thị Lan
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.209.110.827	14.669.422.824
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.327.404.608	1.595.692.817
- Các khoản dự phòng	03		(6.222.915.596)	6.315.814.657
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.801.671.874)	(8.942.317.009)
- Chi phí lãi vay	06		1.156.633.183	4.851.890.472
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.668.561.148	18.490.503.761
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.927.518.547)	(14.417.867.623)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(78.106.728.214)	(440.287.677)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		71.054.245	375.006.145
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		7.588.332.843	57.831.669.178
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.156.633.183)	(316.266.861)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.941.856.308)	(13.110.646.692)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(103.808.188.016)	48.412.110.231
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(161.228.182)	(254.545.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		177.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.000.000.000)	(168.231.879.840)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		189.183.571.540	120.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(69.970.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.717.947.993	3.329.317.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		99.947.564.078	(45.157.108.286)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.594.000.000)	(1.594.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.594.000.000)	(1.594.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.454.623.938)	1.661.001.945
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.953.336.873	9.194.884.940
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>3.498.712.935</u>	<u>10.855.886.885</u>

Lê Thị Lan
Người lậpNguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 407.907.140.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 407.907.140.000 đồng; tương đương 40.790.714 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Hoạt động xây lắp

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ /hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 | năm |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Thương hiệu

Thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	277.042.231	1.917.854.171
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.221.670.704	7.035.482.702
	3.498.712.935	8.953.336.873

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Đầu tư dài hạn	38.000.000.000	38.000.000.000	158.183.571.540	158.183.571.540
Trái phiếu (*)	38.000.000.000	38.000.000.000	158.183.571.540	158.183.571.540
	38.000.000.000	38.000.000.000	158.183.571.540	158.183.571.540

(*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty CP đầu tư nước sạch và môi trường ECO & MORE, với số lượng là 38 trái phiếu, mệnh giá 1 trái phiếu là 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu là 03 năm kể từ ngày 11/06/2018 đến ngày 11/06/2021.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	40.275.916.548	33.810.878.400	47.864.249.391	35.557.642.100
GEX	30.753.657.979	29.084.000.000	38.346.878.822	30.013.250.000
SDA	7.410.000.000	2.426.664.800	7.410.000.000	4.419.996.600
VTX	1.475.610.000	2.252.764.600	1.475.610.000	1.072.276.600
Cổ phiếu khác	636.648.569	47.449.000	631.760.569	52.118.900
	40.275.916.548	33.810.878.400	47.864.249.391	35.557.642.100
				(12.306.607.291)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	292.586.076.215	292.586.076.215	222.616.076.215	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	71.366.250.000	71.366.250.000	71.366.250.000	-
Công ty TNHH SCI Nghệ An	118.749.826.215	118.749.826.215	118.749.826.215	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	95.800.000.000	95.800.000.000	26.000.000.000	-
Công ty cổ phần SCI Điện Biên	170.000.000	170.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	60.550.000.000	60.550.000.000	60.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-
	353.136.076.215	353.136.076.215	283.166.076.215	283.166.076.215

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	51,00%	51,00%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	96,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,95%	99,95%	Xây dựng thủy điện
Công ty cổ phần SCI Điện Biên	Điện Biên	100,00%	100,00%	Xây dựng thủy điện

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển thi công các dự án hạ tầng, giao thông đường bộ
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính

(1) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty cổ phần SCI E&C	10.258.602.478	17.387.318.817
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	95.807.137.392	96.936.151.346
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.020.552.948	16.845.809.348
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.858.120.349	4.639.786.809
Các khoản phải thu khách hàng khác	15.629.752.280	14.198.471.471
	142.574.165.447	150.007.537.791
Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)</i>	13.357.987.778	20.131.097.736

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	335.936.688	-	6.882.711.111	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	6.451.250	-
Tạm ứng	4.132.187.896	-	4.105.110.240	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Công ty CP chứng khoán SSI - tiền bán chứng khoán chờ về	33.253.401.201	-	-	-
Phải thu khác	17.403.407.335	(4.556.156.954)	17.348.554.392	(4.556.156.954)
	55.147.384.370	(4.556.156.954)	28.358.826.993	(4.556.156.954)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	220.000.000	-	220.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

9 . NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	31.409.911.925	8.980.205.863	31.409.911.925	7.821.704.810
	16.024.045.596	3.381.152.533	16.024.045.596	3.381.152.533
	15.385.866.329	5.599.053.330	15.385.866.329	4.440.552.277
	31.409.911.925	8.980.205.863	31.409.911.925	7.821.704.810

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng
khó có khả năng thu hồi

Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La

Đối tượng khác

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	444.394.650	-	444.394.650	-
	3.131.095.700	-	3.131.095.700	-
	3.575.490.350	-	3.575.490.350	-

Nguyên liệu, vật liệu

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.521.372.728	2.360.144.546
Dự án Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	2.521.372.728	2.360.144.546
	2.521.372.728	2.360.144.546

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	19.963.241.095	18.781.616.423	97.177.273	38.842.034.791
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.335.324.000)	-	(4.335.324.000)
Tại ngày 30/06/2019	19.963.241.095	14.446.292.423	97.177.273	34.506.710.791
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	14.283.134.890	14.528.142.961	97.177.273	28.908.455.124
Trích khấu hao	766.520.588	554.634.018	-	1.321.154.606
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.335.324.000)	-	(4.335.324.000)
Tại ngày 30/06/2019	15.049.655.478	10.747.452.979	97.177.273	25.894.285.730
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	5.680.106.205	4.253.473.462	-	9.933.579.667
Tại ngày 30/06/2019	4.913.585.617	3.698.839.444	-	8.612.425.061

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.707.653.245 đồng.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Tại ngày 30/06/2019	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	165.625.053	92.500.000	258.125.053
Trích khấu hao	6.250.002	-	6.250.002
Tại ngày 30/06/2019	171.875.055	92.500.000	264.375.055
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	84.374.947	-	84.374.947
Tại ngày 30/06/2019	78.124.945	-	78.124.945

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	57.357.465	36.224.517
	<u>57.357.465</u>	<u>36.224.517</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	48.350.714	36.837.169
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	103.700.738
	<u>48.350.714</u>	<u>140.537.907</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty Cổ phần SCI E&C	74.269.675.079	74.269.675.079	78.771.973.362	78.771.973.362
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.799.977.367	1.799.977.367	2.012.608.872	2.012.608.872
Các khoản phải trả khác	15.514.104.849	15.514.104.849	15.451.768.587	15.451.768.587
	<u>91.583.757.295</u>	<u>91.583.757.295</u>	<u>96.236.350.821</u>	<u>96.236.350.821</u>
Phải trả người bán là các bên liên quan	<u>74.447.026.079</u>	<u>74.447.026.079</u>	<u>78.771.973.362</u>	<u>78.771.973.362</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	230.562.666	760.527.161	946.659.498	-	44.430.329
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.365.802.945	2.659.034.645	2.941.856.308	-	3.082.981.282
Thuế Thu nhập cá nhân	-	16.584.585	61.972.248	117.591.794	39.034.961	-
	-	3.612.950.196	3.481.534.054	4.006.107.600	39.034.961	3.127.411.611

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	207.307.140	216.076.140
Bảo hiểm xã hội	8.903.990	8.373.745
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	92.610.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	2.707.055.183	3.492.319.120
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	154.003.808	202.474.788
Công ty Cổ phần chứng khoán SSI	21.122.361.638	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.809.523.012	2.880.684.578
	<u><u>27.009.154.771</u></u>	<u><u>99.409.928.371</u></u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u><u>56.815.000</u></u>	<u><u>56.815.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.188.000.000	3.188.000.000	795.000.000	1.594.000.000	2.389.000.000	799.000.000
	<u>3.188.000.000</u>	<u>3.188.000.000</u>	<u>795.000.000</u>	<u>1.594.000.000</u>	<u>2.389.000.000</u>	<u>799.000.000</u>

b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn
Vay dài hạn

	795.000.000	795.000.000	-	795.000.000	-	-
	<u>795.000.000</u>	<u>795.000.000</u>	<u>-</u>	<u>795.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Phương thức đảm	
						Dư nợ tại ngày 30/06/2019	bảo tiền vay VND
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh						
-	Hợp đồng tín dụng số 16008/TH/HETD.DAH ngày 19/02/2016	12.750.000.000	Bù đắp tiền mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã đầu tư.	Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất cố định 9%/năm và lãi suất thả nổi tùy theo thời điểm nhận nợ	2.389.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018					
Tại ngày 01/01/2018	388.491.390.000	982.166.000	8.192.087.059	73.058.020.306	470.723.663.365
Tăng vốn trong kỳ trước	19.415.750.000	-	-	(19.415.750.000)	-
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	17.940.878.082	17.940.878.082
Tạm ứng tiền thù lao BKS và HĐQT	-	-	-	(708.000.000)	(708.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	407.907.140.000	982.166.000	8.192.087.059	70.875.148.388	487.956.541.447
Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019					
Tại ngày 01/01/2019	407.907.140.000	982.166.000	8.192.087.059	70.875.148.388	487.956.541.447
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	10.550.076.182	10.550.076.182
Tạm ứng tiền thù lao BKS và HĐQT	-	-	-	(432.000.000)	(432.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	407.907.140.000	982.166.000	8.192.087.059	80.993.224.570	498.074.617.629

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019 VND	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của các cổ đông	407.907.140.000	100,00%	407.907.140.000	100,00%
	407.907.140.000	100%	407.907.140.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	407.907.140.000	407.907.140.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	407.907.140.000	388.491.390.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	19.415.750.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	407.907.140.000	407.907.140.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.790.714	40.790.714
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.790.714	40.790.714
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.790.714	40.790.714
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.790.714	40.790.714
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.790.714	40.790.714
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
	8.192.087.059	8.192.087.059

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.674.729.909	3.864.314.807
Doanh thu hợp đồng xây dựng	121.536.651.823	43.679.502.684
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	121.536.651.823	43.679.502.684
	124.211.381.732	47.543.817.491
Doanh thu đối với các bên liên quan	3.603.016.586	3.864.314.807
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.133.135.770	1.301.373.410
Giá vốn hợp đồng xây dựng	112.835.486.561	39.335.188.109
	113.968.622.331	40.636.561.519

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.624.399.147	8.612.317.009
Lãi bán các khoản đầu tư	3.080.321	18.016.185.472
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	269.832.658	-
	5.897.312.126	26.628.502.481

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.156.633.183	4.851.890.472
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.540.748.892	3.450.000.000
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(5.064.414.543)	887.787.492
Chi phí tài chính khác	2.889.412.965	527.801.042
	1.522.380.497	9.717.479.006

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	199.106.186	340.519.852
Chi phí nhân công	1.161.386.992	1.537.804.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.206.439	536.412.486
Thuế, phí, lệ phí	39.895.050	58.662.557
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.158.501.053)	5.428.027.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.069.791	621.632.191
Chi phí khác bằng tiền	812.627.120	532.798.543
	1.499.790.525	9.055.857.716

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

25 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	177.272.727	-
Thu nhập khác	1.366.948.671	1.182.692.459
	1.544.221.398	1.182.692.459

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí khấu hao không được tính là chi phí hợp lý, hợp lệ	86.062.399	43.031.199
Chi phí khác	1.366.948.677	1.232.660.167
	1.453.011.076	1.275.691.366

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.209.110.827	14.669.422.824
Các khoản điều chỉnh tăng	86.062.399	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	13.295.173.226	14.669.422.824
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.659.034.645	2.933.884.565

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	294.206.371	668.675.329
Chi phí nhân công	1.189.817.104	1.537.804.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.327.404.608	1.595.692.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.746.497.669	39.949.883.799
Chi phí khác bằng tiền	718.526.935	598.397.601
	117.276.452.687	44.350.454.468

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.498.712.935	-	8.953.336.873	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	197.941.549.817	(22.429.706.062)	178.586.364.784	(23.588.207.115)
Các khoản cho vay	-	-	31.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	40.275.916.548	(7.242.192.748)	47.864.249.391	(12.306.607.291)
Đầu tư dài hạn	98.550.000.000	-	218.733.571.540	-
	340.266.179.300	(29.671.898.810)	485.137.522.588	(35.894.814.406)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.389.000.000	3.983.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	118.649.727.066	195.703.094.192
Chi phí phải trả	2.356.274	7.171.000
	121.041.083.340	199.693.265.192

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.498.712.935	-	-	3.498.712.935
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.291.843.755	220.000.000	-	175.511.843.755
Đầu tư ngắn hạn	33.033.723.800	-	-	33.033.723.800
Đầu tư dài hạn	-	98.550.000.000	-	98.550.000.000
	<u>211.824.280.490</u>	<u>98.770.000.000</u>	<u>-</u>	<u>310.594.280.490</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.953.336.873	-	-	8.953.336.873
Phải thu khách hàng, phải thu khác	154.778.157.669	220.000.000	-	154.998.157.669
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	35.557.642.100	-	-	35.557.642.100
Đầu tư dài hạn	-	218.733.571.540	-	218.733.571.540
	<u>230.289.136.642</u>	<u>218.953.571.540</u>	<u>-</u>	<u>449.242.708.182</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Vay và nợ	2.389.000.000	-	-	2.389.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	118.592.912.066	56.815.000	-	118.649.727.066
Chi phí phải trả	2.356.274	-	-	2.356.274
	120.984.268.340	56.815.000	-	121.041.083.340
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	3.188.000.000	795.000.000	-	3.983.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	195.646.279.192	56.815.000	-	195.703.094.192
Chi phí phải trả	7.171.000	-	-	7.171.000
	198.841.450.192	851.815.000	-	199.693.265.192

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 98% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.118.596.288	118.092.785.444	124.211.381.732
Tài sản bộ phận	527.908.834.929	95.807.137.392	623.715.972.321

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018</u>
		<u>đến 30/06/2019</u>	<u>đến 30/06/2018</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	239.309.912	79.376.626
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	199.939.003	9.261.818
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	48.900.245	43.946.363
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	3.114.867.426	3.731.730.000
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	109.632.537.131	37.412.662.201

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	2.365.423.214	2.102.182.310
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	680.171.815	460.238.911
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	53.790.271	181.357.698
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	10.258.602.478	17.387.318.817
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	-	48.859.000
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	74.269.675.079	78.771.973.362
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	177.351.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ 01/01/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018</u>
	<u>đến 30/06/2019</u>	<u>đến 30/06/2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	872.549.000	900.546.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Các báo cáo trên đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).



Lê Thị Lan
Người lập



Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

